

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2022/DS-ST

Ngày: 30/12/2022

Vụ án “T/C Chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Hồng Thúy**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Ngọc Bích**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Lam Điền** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2018/TLST-DS ngày 08/12/2018 về việc tranh chấp Thừa kế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1000/2022/QĐXXST-DS ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Thành D**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 3, xã VH, huyện ĐL, tỉnh BT

Ủy quyền cho ông **Ngô Tấn K** (có mặt)

Trú tại: ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1930 (đã mất)

Địa chỉ: 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, TP. CT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Thắng L**

2. Bà **Võ Thị Tuyết N**

Địa chỉ: 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT

Ông L và bà N ủy quyền cho ông **Trần Văn AS.** (có mặt)

Trú tại: 116A TV, phường HL, quận NK, thành phố CT

3. Bà Trần Thị L

Địa chỉ: Thôn CL, xã HG, huyện HT, tỉnh TH

Bà L ủy quyền cho ông **Ngô Tấn K.** (có mặt)

4. Ngân hàng TMCP NTVN (VCB) Chi nhánh CT.

Địa chỉ: 03-05-07 ĐLHB, phường TA, quận NK, thành phố CT. (có Đơn xin vắng mặt)

5. Ông Phạm Quang V

Trú tại: 320/8A đường TNQ, phường XK, quận NK, thành phố CT. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Thanh V. (có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AT, xã AT 1, huyện CLD, tỉnh ST.

7. Văn Phòng công chứng TĐ nay là Văn Phòng công chứng CTLP (có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 431, Khu vực YH, phường LB, quận CR, TP. CT.

8. Văn Phòng công chứng LCL (có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 11 NHH, phường TA, quận NK, TP. CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2009 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/10/2009, bản tự khai nguyên đơn – ông Võ Thành D - trình bày:

Cha của ông tên Võ Thắng C, ông C là bộ đội Miền Nam tập kết ra Bắc, ông C và mẹ ông là bà Trần Thị L kết hôn năm 1960 tại đơn vị bộ đội của ông C, mẹ ông sinh ông năm 1962. Năm 1963 ông C hồi kết vào Nam; sau đó được Nhà Nước cấp đất xây nhà tại số 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT. Khi về Nam ông C sống với bà Trần Thị K vì vậy mẹ ông không vào Nam cùng ông C. Cuối năm 1977, ông vào CT sống cùng với ông C và bà Kỳ, sau đó ông đi học và về công tác tại huyện MC, tỉnh BT, đến năm 1989 ông về BT công tác đến nay.

Ngày 19/06/2000 ông Võ Thắng C là cha của ông Võ Thành D chết (do tuổi già) để lại di sản là Căn nhà và 479 m² đất, thuộc thửa 121+122, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại số 51/1, đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở số 5401130208 do Ủy ban nhân dân tỉnh CT (cũ) cấp ngày 03/09/1997. Ông Võ Thắng C khi chết không để lại di chúc.

Hiện nay phần di sản này đã được bà Trần Thị K cùng con là ông Võ Thắng L làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1982 là con của ông Võ Thắng L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 595299, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. CT cấp ngày 04/10/2016 mà chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Việc làm này đã bỏ sót những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất là ông Võ Thành D (đã được công nhận là con của ông Võ Thắng C theo quyết định số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT), làm mất quyền lợi mà đáng ra ông được hưởng theo đúng quy định của pháp luật.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân quận NK tuyên buộc Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 595299, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. CT cấp ngày 04/10/2016, trả lại nguyên hiện trạng ban đầu phần tài sản mà ông Võ Thắng C để lại và tiến hành phân chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp mà ông Võ Thành D được hưởng.

Bà Trần Thị L có nộp Đơn yêu cầu độc lập: Theo bà năm 1954 ông Võ Thắng C là bộ đội miền nam tập kết ra Miền Bắc gặp bà, đến năm 1960 ông bà kết hôn tại quê nhà của bà là Thôn CL, xã HG, huyện HT, tỉnh TH. Lễ cưới có sự chứng kiến của chính quyền địa phương lúc bấy giờ và đông đảo anh em, bà con, thân bằng, quyến thuộc, đồng chí, đồng đội. Đến năm 1962, vợ chồng bà sinh được một người con trai đặt tên là Võ Thành D, sau đó năm 1963 ông C hồi kết vào nam là chiến trường B, bà vẫn một mình ở vậy nuôi con. Nay, ông Võ Thắng C đã mất, để lại di sản là Căn nhà và 479 m² đất thuộc thửa 121+122, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại số 51/1, đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT. Phần di sản này đã được bà Trần Thị K cùng con là ông Võ Thắng L làm thủ tục chuyển

quyền sử dụng cho bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1982 là con của ông Võ Thắng L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 595299, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. CT cấp ngày 04/10/2016 mà chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Việc làm này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, đề nghị tòa tuyên buộc Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 595299, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. CT cấp ngày 04/10/2016, trả lại nguyên hiện trạng ban đầu phần tài sản mà ông Võ Thắng C để lại và tiến hành phân chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp mà bà được hưởng.

Bị đơn bà Trần Thị K nay đã mất – người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng là ông Võ Thắng L cũng như bản thân ông Võ Thắng L có Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều như sau:

Trong quá trình tham hòa giải và công khai chứng cứ tại vụ kiện thì phía ông Võ Thanh D có cung cấp chứng cứ là Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu xác định cha cho con số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT. Có người yêu cầu là ông Võ Thành D, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Thắng C; Ông Võ Tấn T; Ông Võ Văn N. Theo đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D xác định ông Võ Thắng C là cha của ông Võ Thành D.

Ông cho rằng Quyết định số 01 của Tòa án nhân dân huyện ĐL có vi phạm pháp luật nghiêm trọng cả về tố tụng và nội dung. Cụ thể là:

+ Đưa cả những người đã chết là ông Võ Thắng C và ông Tấn T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 3 Điều 16 Bộ luật Dân sự, Điều 69 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc xác định cha cho con của ông D nhằm mục đích xác định mối quan hệ huyết thống để chia di sản thừa kế của ông Võ Thắng C, việc xác định cha con có ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông L/bà K trong vụ kiện chia thừa kế nhưng Tòa án nhân dân huyện ĐL lại không đưa ông bà Võ Thắng L/Trần Thị K vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 6 Điều 68 BLTTDS.

+ Lời khai của ông D/ông N mâu thuẫn với chứng cứ vụ án khi cho rằng ông C/bà L chung sống và có mối quan hệ hôn nhân trước bà K, nhưng ông L sinh năm 1953, ông D sinh năm 1962.

+ Quyết định số 01 chưa xác định được ông Võ Tấn T có phải là Võ Tấn TI hay không (vì khác hoàn toàn năm sinh và tên gọi) nhưng đã xác định ông N là con ông T và dựa vào kết luận giám định AND để xác định mối quan hệ cha con giữa ông Võ Thắng C - ông Võ Thành D là đánh giá chứng cứ không khách quan.

Do đó, ông đã gửi đơn đề nghị xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định số 01 của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo trình tự giám đốc thẩm theo đúng quy định pháp luật, gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền là Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xem xét tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo khoản 18, Điều 70 và điểm d, khoản 1, điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự để đợi kết quả giải quyết giám đốc thẩm đối với Quyết định số 01 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh V trình bày: Ngày 29/10/2021 ông ký kết Hợp đồng thuê với ông Phạm Quang V là đại diện uỷ quyền của bà Võ Thị Tuyết Ng thuê một phần căn nhà với diện tích là ngang 9,5m dài 13 thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 13/11/2021, mục đích thuê là kinh doanh ăn uống, giá cho thuê năm thứ nhất, thứ hai là 35 triệu, năm thứ 3 giá là 38,5 triệu đồng, phương thức thanh toán tiền thuê vào ngày 13 của mỗi tháng, ngoài ra ông Việt còn đặt cọc số tiền 105 triệu đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê.

Ông Nguyễn Thanh V cho rằng tài sản có tranh chấp thừa kế nếu hủy hợp đồng thuê thì giải quyết hậu quả là số tiền đặt cọc 105.000.000đồng theo quy định pháp luật.

- Bà Võ Thị Tuyết N có Đơn yêu cầu độc lập với nội dung:

Vào năm 2014 bà được cha là ông Võ Thắng L và bà nội Trần Thị K tặng cho nhà và đất. Theo đó, phần đất có diện tích 479,0m² thuộc thửa 121+ 122, tờ bản đồ số 3 và căn nhà có diện tích 97,54m² (Gọi tắt là Nhà đất 51). Nhà và đất tọa lạc tại 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, hợp đồng tặng cho có công chứng. Ngay sau khi ký kết hợp đồng thì cha và bà nội giao nhà đất và bà đã nhận toàn bộ tài sản nói trên cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Ngày 4/10/2016 bà được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 595299, số vào sổ CS02762.

Trong quá trình sử dụng bà N có xây dựng thêm các công trình khác trên đất như căn nhà tiền chế với diện tích khoảng 130m² (hiện đang cho ông V thuê) và xây dựng thêm phần nhà phía sau với diện tích khoảng 150m², mở rộng thêm ra từ phía sau căn nhà cấp 4.

Ông Võ Thành D cho rằng ông là con ruột của ông Võ Thắng C và có yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là Nhà đất 51, bà Trần Thị L cho rằng bà là vợ hợp pháp của ông Võ Thắng C có yêu cầu độc lập hủy giấy đất đã cấp cho bà và chia di sản thừa kế là Nhà đất 51.

Bà L và ông Võ Thành D không được ông Võ Thắng C thừa nhận có quan hệ vợ chồng, con ruột cùng huyết thống. Do vậy, không có căn cứ xác định quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Thắng C và bà Trần Thị L.

Khi Bản án phúc thẩm số 60/2013/DSPT ngày 23/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có hiệu lực. Cha và nội bà là bà K đã thực hiện thủ tục

khai nhận di sản thừa kế hợp pháp và tặng cho lại cho bà bằng hợp đồng có công chứng, bà đã đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu, đã nhận tài sản sử dụng, xây dựng thêm các tài sản khác trên đất và hiện đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (tại Cần Thơ), đồng thời còn cho ông V thuê nên các hợp đồng nói trên đã có hiệu lực pháp luật và căn cứ theo khoản 2 Điều 133 BLDS thì trường hợp của bà là giao dịch ngay tình được pháp luật bảo vệ và công nhận. Ngoài ra nếu hủy giấy đất thì hợp đồng thế chấp vô hiệu là không đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng không đảm bảo quyền lợi của người thứ 3 ngay tình là ngân hàng căn cứ theo mục 1 Phần II của Công văn 64/ TAND- PC ngày 03/4/2019 của TAND Tối cao. Do đó, bà N không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D, bà L, đề nghị tòa bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan bà L có yêu cầu độc lập.

Đối với yêu cầu độc lập đòi hủy hợp đồng thuê và trả tiền cọc của ông Võ Thanh V: Kể từ khi ký kết hợp đồng thuê cho đến nay bà luôn thực hiện đúng và đầy đủ thỏa thuận mà các bên giao kết, hợp đồng nói trên hiện đang còn hiệu lực. Do đó với yêu cầu độc lập đòi hủy hợp đồng và trả tiền cọc của ông Nguyễn Thanh V bà N không đồng ý.

Để đảm bảo quyền lợi của mình phía bà Võ Thị Tuyết N có yêu cầu độc lập như sau:

Yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà N với bà nội Trần Thị K và cha - ông Võ Thắng L. Công nhận phần đất có diện tích 479,0m² thuộc thửa 121 + 122, tờ bản đồ số 3 và căn nhà có diện tích 97,54m² (Gọi tắt là Nhà đất 51). Nhà và đất tọa lạc tại 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT là thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà N (Chiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 595299, số vào sổ CS02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 4/10/2016).

-... Ngân hàng TMCP NTVN Chi nhánh CT trình bày:

Ngân hàng Vietcombank không có ý kiến vì bà N không vi phạm nghĩa vụ đối với Ngân hàng và có yêu cầu giải quyết vắng mặt đối với Ngân hàng.

- Văn phòng Công chứng TĐ (nay là Văn phòng Công chứng CTLP) xác nhận có chứng nhận “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật” của những người thừa kế theo pháp luật là bà Trần Thị K và ông Võ Thắng L, bà Võ Thị Tuyết N, vào ngày 22/01/2014, số công chứng 221, quyền số 01/2014TP/CC-SCC/HĐGD, và chứng nhận “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa bên tặng cho là bà Trần Thị K, và bên nhận tặng cho là bà Võ Thị Tuyết N, vào ngày 22/01/2014, số công chứng 222, quyền số 01/2014TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó tài sản thỏa thuận và tặng cho là thửa đất số 121, 122, tờ bản đồ số 03, tài sản gắn liền với đất là nhà bán kiên cố, tọa lạc tại số 51/1 đường 3/2, phường XK, TP. CT, tỉnh CT (cũ) nay là 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, TP. CT.

- Văn phòng công chứng TĐ (nay đã đổi tên là Văn phòng Công chứng CTLP) đã thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật về việc công chứng Văn bản

thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Do đó thẩm quyền của Tòa án nhân dân căn cứ vào nội dung và chứng cứ trong hồ sơ mà tuyên xử theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên trong vụ kiện.

Văn phòng công chứng CTLP yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cho phép người đại diện theo pháp luật của Văn phòng được phép vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý vụ kiện nêu trên đến khi xét xử. Lý do: Bận công việc tại Văn phòng.

- Văn phòng công chứng LCL xác nhận có công chứng Hợp đồng thuê nhà đối với ông Nguyễn Thanh V thuê tài sản đang tranh chấp chia thừa kế. Việc chứng nhận theo quy định đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của các bên đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án.

Các đương sự không hòa giải được nên tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Vụ án được xét xử công khai.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông D và bà L trình bày: Ông đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và yêu cầu độc lập của bà Lân xác định di sản ông Võ Thắng C chết đi không để lại di chúc là nhà 51/1 để làm căn cứ giải quyết vụ kiện chia thừa kế theo pháp luật. Ông D yêu cầu được nhận hiện vật di sản này để ổn định chỗ ở thờ cúng ông Võ Thắng C.

Đại diện ủy quyền của ông L, bà N vẫn giữ nguyên quan điểm theo ghi nhận ở trên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông D bà L. Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc Tòa án tuân đúng theo pháp luật tố tụng của Tòa án.

Thẩm phán thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành D, ông D được nhận $\frac{1}{4}$ trong $\frac{1}{2}$ kỷ phần ông C để lại, tương đương 5.437.596.625 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà L, bà L được nhận $\frac{1}{4}$ trong $\frac{1}{2}$ kỷ phần ông C để lại, tương đương 5.437.596.625 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà N, công nhận hợp đồng tặng cho giữa bà K, ông L với bà N. Buộc bà N có trách nhiệm trả lại giá trị 02 kỷ phần cho bà L, ông D, mỗi kỷ phần 5.437.596.625 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Thanh V.

Tuy nhiên, tại phiên tòa cần làm rõ việc bà N trình bày có xây thêm các phần nhà sau khi nhận tặng cho.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quan hệ tranh chấp:*

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Võ Thắng C chết để lại nhà 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan liên quan có yêu cầu độc lập là bà Trần Thị L có yêu cầu chia nhà 51/1 đường 3/2 phường XK, quận NK, thành phố CT. Do đó, Tòa án thụ lý và giải quyết theo quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*” căn cứ vào khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 28, theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 649 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền:*

Đây là vụ án chia thừa kế tài sản có bất động sản là nhà và đất tại địa chỉ 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT (được gọi tắt là nhà 51/1) ứng với thửa đất là căn nhà tọa lạc trên 479m² đất thuộc thửa 121+122, tờ bản đồ số 03 tại số 51/1, đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 5401130208 do Ủy ban nhân dân tỉnh CT (cũ) cấp ngày 03/9/1997. Ông Võ Thắng C khi chết không để lại di chúc. Hiện nay phần di sản này đã được bà Trần Thị K cùng con là ông Võ Thắng L làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng cho bà Võ Thị Tuyết N là con của ông Võ Thắng L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 595299, vào sổ cấp GCN số CS02762 của Sở tài nguyên môi trường TP. CT ngày 04/10/2016 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Ông Võ Thắng C mất năm 2000, ông D khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật từ 2009 cho đến nay nên vụ kiện đảm bảo về mặt thời hiệu theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điểm a, khoản 2, Điều 153 của Bộ luật Dân sự.

[4] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn mà nguyên đơn kiện là bà Trần Thị K cũng đã mất theo Giấy khai tử số 60/TLKT-BS ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân phường XK, người thừa kế quyền và tố tụng là con - ông Võ Thắng L.

Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đối với nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không trực tiếp tham dự phiên tòa nhưng có ủy quyền hợp pháp cho người khác thay mặt nguyên đơn tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Vietcombank, các Văn phòng công chứng, ông Nguyễn Thanh V không tham dự phiên tòa thì có yêu cầu giải quyết vắng mặt là hợp lệ.

Ông Phạm Quang V, nguyên đơn không cung cấp địa chỉ của người này được. Theo Hợp đồng thuê và qua việc tổng đạt hợp lệ thì ông V không còn ở tại địa chỉ 320/8A đường TNQ, phường XK, quận NK, thành phố CT. Toà án quận Ninh Kiều có yêu cầu phía bà Võ Thị Tuyết N liên hệ hoặc cung cấp địa chỉ khác của ông V. Tuy nhiên, xét ông V làm đại diện cho bà Võ Thị Tuyết N để ký Hợp đồng thuê với ông Phạm Quang V do trong vụ án bà Nga có yêu cầu độc lập nên giải quyết vắng mặt ông V không vi phạm thủ tục tố tụng trong vụ kiện.

[5] *Xét về hàng thừa kế của ông Võ Thắng C*, căn cứ vào các chứng cứ cung cấp có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét như sau:

Theo hồ sơ cho thấy, ông Võ Thắng C chết ngày 19/6/2000 theo Giấy khai tử số 53/TLKT-BS ngày 28/6/2000, chết không để lại di chúc nên đây là trường hợp chia thừa kế theo pháp luật tại Điều 649, Điều 674 Bộ luật Dân sự.

Sinh thời, ông C và bà Trần Thị K có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường XK, vào ngày 24/11/1992 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 12. Như vậy, xét người thừa kế hàng thứ nhất của ông Võ Thắng C là bà Trần Thị K.

Tại các phiên toà xét xử trước đây, ông L không nộp trích lục khai sinh dù hội đồng xét xử có đề cập đến, ngay cả đại diện uỷ quyền cho ông L là ông Trần Văn AS cũng cho rằng do ông L tuổi đã cao nhiều khi ông L nhớ quên quên có làm Giấy khai sinh hay không, nay khi soạn giấy tờ mới thấy và đem nộp cho Toà vào ngày 25/11/2022. Toà có công văn số 1888 ngày 06/12/2022 đề nghị Ủy ban nhân dân phường XK cho sao lục toàn bộ hồ sơ gốc theo Bản sao Giấy khai sinh mà ông L đã nộp và phía Ủy ban nhân dân phường có công văn trả lời và cung cấp bộ hồ sơ đăng ký khai sinh của ông Võ Thắng L gồm:

- Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả số 183/BPTNTKQ ngày 27/02/2020.
- Chứng minh nhân dân tên Võ Thắng L
- Chứng nhận sĩ quan tên Nguyễn L
- Lý lịch Đảng viên tên Nguyễn L (Võ Thắng L)
- Trích lục khai tử bản sao tên Võ Thắng C
- Trích lục khai tử bản sao tên Trần Thị K
- Tờ khai đăng ký khai sinh tên Võ Thắng L
- Tờ cam đoan tên Võ Thắng L
- Xác nhận hộ tịch của xã HM, huyện MCN, tỉnh BTR
- Sổ hộ khẩu tên Võ Thắng C
- Giấy khai sinh tên Võ Thắng L

Nguyên đơn ông D sau khi được tiếp cận công khai chứng cứ của ông Võ Thắng L cung cấp giấy khai sinh số 55 ngày 22/02/2020 để chứng minh quan hệ cha con với ông Võ Thắng C. Theo ông D, Giấy khai sinh lại thể hiện là do ông L tự khai chứ không phải do một trong hai người là ông Võ Thắng C hay bà Trần Thị K khai trước đó. Việc cung cấp giấy khai sinh để chứng minh quan hệ cha con với ông Võ Thắng C đã được phía nguyên đơn là ông Võ Thành D cung cấp cho Tòa án từ khi khởi kiện vụ án và khai sinh của ông D được thực hiện từ trước khi xảy ra tranh chấp với phía bà Trần Thị K, trong quá trình giải quyết vụ án thì

giấy khai sinh của ông Võ Thành D đã bị Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm trước đây không chấp nhận. Mặc khác, trong hồ sơ đăng ký khai sinh của ông Võ Thắng L cung cấp thì ông L thuộc trường hợp đăng ký khai sinh lần đầu. Theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 15/2015-TT-BTP của Bộ Tư pháp “*Hướng dẫn Luật Hộ tịch 2014 và Nghị định 123/2015 có hiệu lực từ ngày 02/01/2016 về đăng ký khai sinh cho người đã có giấy tờ cá nhân*”. Căn cứ theo khoản 3, điều 8 của Thông tư này thì những giấy tờ ông Võ Thắng L cần cung cấp gồm: Tờ khai đăng ký khai sinh, văn bản cam kết về việc đăng ký khai sinh và các Giấy tờ theo Điều 26 của Nghị định 123/2015. Vì vậy ông Võ Thắng L cần cung cấp giấy tờ chứng minh quan hệ cha con với ông Võ Thắng C. Ở đây, theo hồ sơ đăng ký khai sinh bên phía ông L cung cấp thì có lý lịch đảng viên của ông L và lý lịch đảng viên của ông Võ Thắng C (Người mà ông L nhận là Cha). Tuy nhiên lý lịch của ông Võ Thắng C thực chất là không thể xác thực được việc này do có những tình tiết không đồng nhất, cụ thể:

Trong lý lịch đảng thì ông Võ Thắng C khai là có con là ông Võ Thắng L nhưng tại bản tóm tắt lý lịch của ông tại bút lục số 57-58 trong hồ sơ ông lại khai các người con bao gồm:

1. Võ Thắng L, sinh năm 1953
2. Võ Thị C, sinh năm 1963
3. Võ Thị T, sinh năm 1968

Và tại đơn xác nhận ngày 27/4/2011 ở bút lục số 165 ông Võ Thắng L lại trình bày là 02 người con trong bản tóm tắt lý lịch là Võ Thị C và Võ Thị T là cháu của ông Võ Thắng C mà cụ thể là con của người chú là ông Võ Thành T. Như vậy, các nội dung lý lịch tự khai trong lý lịch đảng viên và bản tóm tắt lý lịch của ông Võ Thắng C đã có sự không đồng nhất, điều này đã được chính bên phía người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Võ Thắng L xác nhận, cho nên không thể lấy những tài liệu này dùng làm căn cứ để xác nhận quan hệ cha con giữa ông L và ông Võ Thắng C được. Ngoài ra theo ông D yêu cầu xem xét tại bản khai ngày 14/04/2010 của các ông Võ Tấn T và Võ Thị L là hai người anh em ruột của ông Võ Thắng C ở bút lục 136 – 137 có xác nhận ông L là con riêng của bà Trần Thị K và ông Nguyễn S quê ở VL chứ không phải là con ông Võ Thắng C và họ hàng, anh em ruột thịt của ông Võ Thắng C tại huyện MC, tỉnh BTR từ trước đến nay vẫn chỉ thừa nhận một mình ông Võ Thành D là con ruột của ông Võ Thắng C.

Hội đồng xét xử qua xem xét ý kiến của ông D và căn cứ vào Giấy khai sinh do ông Võ Thắng L cung cấp cũng như các chứng cứ là lý lịch Đảng ông C khai (bản lý lịch đảng viên do chính ông Võ Thắng C tự kê khai & lưu tại cơ quan

có thẩm quyền tại bút lục số 57, 58, 59), Bản tường trình của bà Trần Thị K tại bút lục số 73 trình bày về mối quan hệ tình cảm hôn nhân của bà và ông C cùng con tên Võ Thắng L... Theo như ông D cho là ông Võ Thắng C khai về con là chưa đồng nhất có khi khai ông Võ Thắng L, có khi khai thêm tên Võ Thị C, Võ Thị T. Tuy nhiên tại các lần khai xét thấy ông vẫn khai ông Võ Thắng L là con tức bản thân ông C tự viết lý lịch tự khai và tự nhìn nhận về con là ông L - bộ đội ... cùng với sổ hộ khẩu gia đình khi ông C còn sống là chủ hộ có vợ là bà Trần Thị K và con là Võ Thắng L. Từ những phân tích trên đến thời điểm hiện tại xác định bà Trần Thị K và ông Võ Thắng L là vợ và con của ông C nên được hưởng thừa kế di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C là hợp pháp.

[6] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* ông Võ Thành D.

Ông D xác nhận cha ông là Võ Thắng C quê quán ấp PT, xã AĐ, huyện MC, tỉnh BTR là bộ đội Miền Nam tập kết ra Bắc và mẹ ông là bà Trần Thị L kết hôn năm 1960 sau khi đã xin phép đơn vị cùng chính quyền địa phương và đồng ý cho bà con trong thôn xóm chứng kiến, sau đó ông D được sinh ra. Đến năm 1963, ông C hời kết vào chiến trường miền Nam và được Nhà nước cấp đất xây nhà tại số 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT. Khi về miền Nam một thời gian dài thì cha ông sống với bà Trần Thị K nên mẹ ông là bà Trần Thị L không vào miền Nam sống cùng cha ông. Cuối năm 1977, ông D vào miền Nam sống cùng cha là ông Võ Thắng C và bà Trần Thị K. Sau đó, ông đi học và về công tác tại huyện MC, tỉnh BTR (quê cha). Đến năm 1989, ông về BT công tác cho tới nay. Ông Võ Thắng C mất ngày 19/6/2000 không để lại di chúc nên ông D yêu cầu chia thừa kế đối với di sản mà cha ông để lại gồm nhà và đất tọa lạc tại số 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT.

Căn cứ vào quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu xác nhận cha cho con số 01/2020/QĐST ngày 19/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh BT với nội dung xác định ông Võ Thắng C, sinh năm 1928 có nguyên quán tại PT, xã AĐ, huyện MC, tỉnh BTR chết ngày 19/6/2000, nơi cư trú trước khi chết: số nhà 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT là cha của ông Võ Thành D, sinh năm 1962. Nơi cư trú: số nhà 52, đường số 35, xóm 3, thôn 3, xã VH, huyện ĐL, tỉnh BT. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành D.

Xét theo Đơn yêu cầu tạm hoãn giải quyết vụ án của ông L vì ông cho rằng ông đang khiếu nại Quyết định việc dân sự trên. Xét cho đến thời điểm xét xử vụ án thì quyết định trên vẫn đang có hiệu lực, vụ án tranh chấp đã kéo dài vi phạm

đến thời hạn giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng quy định do đó không thể tạm hoãn theo yêu cầu của ông Võ Thắng L. Hơn nữa đây là cấp xét xử sơ thẩm.

[7] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L:

Bà L cho rằng bà là vợ ông Võ Thắng C trong thời điểm ông C là bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc. Căn cứ Điều 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 thì quan hệ hôn nhân bà L và ông C xác lập trước năm 1987 nên được xác nhận là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận dù không có đăng ký kết hôn và thuộc trong các trường hợp...có tổ chức lễ cưới; việc chung sống được một bên hoặc cả hai bên gia đình chấp nhận; việc chung sống với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến. Vì hôn nhân này đã tồn tại nên người trong hôn nhân chỉ có thể kết hôn hợp pháp với người khác khi hôn nhân thứ nhất không còn tồn tại nữa. Do chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho ly hôn thì xét về lý chưa có cơ sở để quan hệ hôn nhân này chấm dứt. Điều này được thể hiện qua các lời xác nhận ngày 27/03/2008 (Bút lục số 08) của ông Võ Tấn Tài và bà Võ Thị L là anh chị em ruột của ông Võ Thắng C, giấy xác nhận ngày 19/03/2010 (Bút lục 142) của chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 là giáo viên của Trường PTTH AT, huyện MC, tỉnh BTR là con ruột của ông Võ Tấn T - cháu ông Võ Thắng C, giấy xác nhận ngày 16/03/2010 (Bút lục 138) của ông Hoàng K – sinh năm 1930, cấp bậc Đại tá – Công tác tại Phòng tổ chức – Cục Chính trị Quân khu 9, Giấy xác nhận ngày 17/03/2010 (Bút lục 143) của ông Phan K - Nguyên Giám đốc Công ty 622 – QK9; Công văn số 03/CV-UBND ngày 09/04/2010 của Ủy ban nhân dân xã HG, huyện HT, tỉnh TH (Bút lục 124) xác nhận ông Võ Thắng C và bà Trần Thị L có tổ chức lễ cưới năm 1960 và chung sống với nhau tại địa phương. Đến năm 1962 ông C, bà L sinh được 01 người con tên Võ Thành D. Thống nhất theo quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều. Lời xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HG phù hợp với năm sinh của ông D và phù hợp với kết quả giám định AND mà Quyết định việc dân sự xác nhận cha cho con đã công nhận. Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện thì ông Võ Thắng C là bộ đội từ miền Nam tập kết ra Bắc có tổ chức lễ cưới và chung sống với bà Trần Thị L. Đây là trường hợp hôn nhân đặc biệt theo phần 1 – phần phương hướng chung của thông tư số 60/TATC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 22/02/1978 “hướng dẫn giải quyết các việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong nam, tập kết ra bắc lấy vợ, lấy chồng khác”. Từ khi chung sống và tổ chức lễ cưới với ông C cho đến thời điểm hiện tại bà Trần Thị L chưa chấm dứt

quan hệ hôn nhân với ông C nên thiết nghĩ hôn nhân của ông C và bà L trên thực tế vẫn tồn tại và việc bà L yêu cầu được hưởng một phần di sản mà ông C chết để lại là hoàn toàn có cơ sở. Do đó, yêu cầu xin được chia di sản của chồng bà L là ông Võ Thắng C chết đi không để lại di chúc nghĩ nên chấp nhận.

Theo bà yêu cầu được chia di sản là hàng thừa kế thứ nhất của ông C đối với toàn bộ di sản do bà cho rằng nhà nước cấp đất riêng cho ông Võ Thắng C dựa vào Giấy xác nhận của Chi cục quản lý đất đai cấp 479m² đất thổ cư, tại tờ bản đồ số 3, địa chỉ 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT. Tuy nhiên sau đó, ông Võ Thắng C đã cùng bà Trần Thị K đứng tên chung trong khối tài sản đó và được cấp lại nhà đất với diện tích 479 m² đất, thuộc thửa 121+122, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại số 51/1, đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT theo giấy chứng nhận quyền Sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở số 5401130208 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 03/09/1997. Căn cứ vào Điều 1.1, khoản 1, mục III của Nghị quyết 02/2004 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như vậy ở đây đã có sự đồng thuận nhập vào tài sản chung của vợ chồng giữa ông Võ Thắng C cùng vợ là bà Trần Thị K do vậy yêu cầu chia phần di sản trên ra thành 3 phần của bà L là không có căn cứ. Xét nghĩ bà L chỉ được công nhận là hàng thừa kế thứ nhất đối với $\frac{1}{2}$ kỳ phần di sản của ông C chết đi để lại là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] *Xét yêu cầu độc lập khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Tuyết N như sau:*

Trong quá trình sử dụng bà N nêu có xây dựng thêm các công trình khác trên đất như căn nhà tiền chế với diện tích khoảng 130m² (hiện đang cho ông V thuê) và xây dựng thêm phần nhà phía sau với diện tích khoảng 150m², mở rộng thêm ra từ phía sau căn nhà cấp 4. Xét bị đơn là bà Trần Thị K đã mất, ông L là người thừa kế quyền và tổ tụng của bà K không có Đơn phản tố hay yêu cầu gì ngoài việc tạm đình chỉ xem xét vụ án. Bà N cho rằng xây dựng mới như trình bày trên nhưng bà N lại không có cung cấp được các chứng cứ xây dựng mới (chỉ gửi 02 tấm hình chụp nhà không thể ghi nhận cụ thể được) để Tòa xác định sau khi ông C, bà K chết thì bà N có sửa chữa hay xây mới không. Trong chứng thư thẩm định của 2 công ty TĐ và Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá ĐA (gọi tắt là Công ty ĐA) cũng không thấy ghi nhận rõ việc này. Do không cung cấp chứng cứ nào khác hơn nên coi như là tài sản chung của ông C bà K và sẽ xem như là di sản chung để chia.

Xét liên quan đến bà L và ông D đề nghị thu hồi Giấy của bà N chứ không phải yêu cầu huỷ như bà N nêu trong Đơn yêu cầu độc lập nếu như Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho giữa bà K ông L đối với N vô hiệu. Ông D bà L cho rằng việc bà Trần Thị K và ông Võ Thắng L thực hiện việc

chuyên giao phần di sản nêu trên cho bà N ngay khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 60/2013/DSPT ngày 23/5/2013 của Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ song Bản án nêu trên đã bị hủy bởi Quyết định Giám đốc thẩm số 23/2017/DS-GĐT ngày 21/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chính vì lẽ đó các phán quyết của Bản án nêu trên đối với phần di sản là 479 m² đất mà ông Võ Thắng C để lại đã bị hủy cho nên phần đất này vẫn đang là tài sản đang tranh chấp. ông Dũng và bà L không đồng ý đối với yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho giữa bà Võ Thị Tuyết N với bà Trần Thị K. Công nhận phần đất có diện tích 479 m² thuộc thửa 121 + 122, tờ bản đồ số 3 và căn nhà có diện tích 97,54 m² (gọi tắt là nhà 51). Nhà và đất tọa lạc tại hẻm 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, TP. CT là thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà Võ Thị Tuyết N. Tương tự, tiếp nối yêu cầu độc lập của ông V cho rằng nếu Tòa án tuyên hủy hợp đồng thuê đã được chứng thực tại Văn phòng công chứng LCL thì phải xem xét cho ông V đối với số tiền 105 triệu ông V đã đặt cọc đối với bên cho thuê tức bên bà N và ông Phạm Quang V và phải trả lại tiền cọc cho ông V.

Để đảm bảo quyền lợi của mình phía Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà N với bà nội Trần Thị K và cha bà là ông Võ Thắng L. Công nhận phần đất có diện tích 479,0m² thuộc thửa 121 + 122, tờ bản đồ số 3 và căn nhà có diện tích 97,54m² (Gọi tắt là Nhà đất 51). Nhà và đất tọa lạc tại 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT là thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà N (Chiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 595299, số vào sổ CS02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường TPCT cấp ngày 4/10/2016).

Như đã phân tích ở trên. Nhà 51/1, vào năm 1976, ông C được quân khu cấp (theo lời xác nhận của bà Trần Thị K tại bút lục số 73). Đến năm 1992, Chi Cục quản lý đất đai Cần Thơ cấp Giấy riêng nhà đất cho ông C tại tài sản trên. Năm 1997, từ tài sản riêng lại được cả ông C và bà K xác nhập và cùng đứng tên chung tại Giấy chứng nhận quyền Sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở số 5401130208 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 03/09/1997.

Vậy cho nên, nhà 51/1 đã là tài sản chung của ông C và bà K tạo lập trong giai đoạn hôn nhân sau của ông Võ Thắng C và bà Trần Thị Kỳ phải chia ra 2 phần, một phần là của ông C, 01 phần của bà K.

Theo Hợp đồng tặng cho được xác lập tại Văn phòng công chứng bà K lúc còn sống đã tặng cho N ½ kỷ phần tài sản thuộc quyền của bà Kỳ. Phần thừa kế của ông Chứng thì bà K và ông L tiếp tục tặng cho bà N. Xét thấy kỷ phần của bà K lớn và hiện đã tặng cho bà N đứng tên kể cả phần tặng cho của ông L, tài sản 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT đang được thế chấp tại Ngân hàng NTVN – chi nhánh CT chấp nhận theo yêu cầu độc lập của bà Võ Thị

Tuyết N công nhận hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà N với bà Trần Thị K và cha bà là ông Võ Thắng L mà không cần phải huỷ hợp đồng trên. Vì vậy, tiếp tục hợp đồng thuê mặt bằng nhà 51/1 có công chứng tại văn phòng công chứng LCL, quyền lợi các bên thuê và cho thuê không bị ảnh hưởng nên đối với yêu cầu độc lập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Thanh V không cần phải xem xét, ông V được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[9] *Di sản được yêu cầu chia thừa kế và giá trị di sản:*

Tại phiên toà, phía ông L và bà N không đồng ý chia di sản trên bằng hiện vật như yêu cầu ông D do không đủ chuẩn quy định về bề ngang để tách thửa đất và đã có nhà ở. Ông D, bà L đồng ý trừ chi phí phân phía trước mặt tiền nhà 51/1 của ông Phạm Quang V xây cất để cho ông V thuê mặt bằng kinh doanh quán ăn với giá trị theo biên bản định giá ngày 21/7/2010 xác định là 91.966.500đồng nghĩ nên ghi nhận ý chí tự nguyện này của ông D và bà L.

Về giá để chia trong hồ sơ có giá của Thẩm định giá TĐ là 45.981.614.577đồng do yêu cầu của nguyên đơn thực hiện và của Công ty ĐA 41.019.546.000đồng do ông Võ Thắng L thực hiện. Hội đồng xét xử chọn áp dụng việc trưng cầu định giá của Công ty ĐA để chia di sản thừa kế vì khi làm việc để chọn giá thì ông D bà L và ông L bà N thống nhất đồng chọn Công ty ĐA.

Như vậy, theo Điều 651 Bộ luật dân sự, người thừa kế theo pháp luật của ông C gồm: 4 người là ông Võ Thành D, bà Trần Thị L, bà Trần Thị K và ông Võ Thắng L.

Phần di sản của ông C là $\frac{1}{2}$ giá trị của nhà 51/1. Phần di sản bà K (đã chết) cũng là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà 51/1 và có trừ đi chi phí 91.996.500đồng. Xét do kỹ phần di sản của bà K nhiều hơn. Bà K mất, ông L cũng là hàng thừa kế thứ nhất của bà K, ông L đã tặng cho con gái là bà N do được công nhận hợp đồng tặng cho tại Văn phòng công chứng TĐ và giữ y khối di sản là nhà 51/1 đã chuyển dịch sang tên bà Võ Thị Tuyết N đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không cần phải thu hồi lại Giấy chứng nhận đất nên bà N phải có trách nhiệm phối lại kỹ phần được hưởng thừa kế cho cho ông D và bà L.

Nguyên đơn – ông Võ Thành D mong muốn có chỗ ở ổn định nhận di sản thừa kế là hiện vật. Xét yêu cầu và hoàn cảnh thực tế của hai bên và đề nghị của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử thống nhất cho nguyên đơn nhận kỹ phần được chia di sản thừa kế của ông C là giá trị hiện kim.

[10] *Về giá trị mỗi kỹ phần thừa kế được chia như sau:*

Tổng số tiền mà các đương sự được nhận thừa kế là:

- Giá thẩm định của Công ty ĐA nhà 51/1 là 41.019.546.000đồng - 91.996.500đồng = 40.927.549.500đồng

Ông Võ Thắng C được hưởng $\frac{1}{2}$ di sản sẽ là: 20.463.774.750đồng chia cho 4 kỹ phần thừa kế, mỗi phần của mỗi người được hưởng: 5.115.943.687đồng.

[11] *Về án phí và các chi phí khác:*

Các đương sự chịu chi phí đo đạc thẩm định tài sản theo Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án đối với kỷ phần thừa kế được chia, cụ thể như sau:

- Chi phí thẩm định tài sản của Công ty ĐA tổng chi trả là 36.000.000đồng theo phiếu thu tiền được lập ngày 25/8/2022. Do được hưởng kỷ phần thừa kế theo giá của Công ty ĐA thực hiện nên Ông Võ Thành D và bà Trần Thị L phải chịu phân nửa số tiền chi phí trưng cầu thẩm định giá trị nhà số 51/1 do Công ty ĐA thực hiện là 18.000.000đồng (mỗi người 9.000.000đồng). Số tiền 18.000.000đồng này ông D và bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Thắng L.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị L sinh năm: 1931 và ông Võ Thành D, sinh ngày 15/12/1962, là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi, nên căn cứ theo điểm a, khoản 1, Điều 12 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 miễn án phí cho bà Trần Thị L và ông Võ Thành D.

Ông Nguyễn Thanh V được nhận lại tiền tạm ứng án phí có yêu cầu độc lập bởi yêu cầu của ông Nguyễn Thanh V không cần phải xem xét vì vẫn tiếp tục thực hiện Hợp đồng thuê nhà với bà Võ Thị Tuyết N và ông Phạm Quang V.

Ông Võ Thành D được nhận lại 1.000.000đồng tiền tạm ứng vụ kiện số: theo biên lai thu số 002513 ngày 30/6/2009.

Bà Trần Thị L được nhận lại 1.000.000đồng tiền tạm ứng vụ kiện theo biên lai thu số: 005379 ngày 17/3/2010.

Bà Võ Thị Tuyết N được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng vụ kiện theo biên lai thu số 0000387 ngày 02/12/2022.

[12] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Thông nhất theo đường lối và quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 28, theo điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 611, 612 613, 623, 649, 650, 651; khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự.

- Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xin chia thừa kế là di sản của ông Võ Thắng C chết đi để lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà số 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, TP. CT. Theo đó, ông Võ Thành D được hưởng $\frac{1}{4}$ di sản của ông C quy ra giá trị tiền là 5.115.943.687đồng (*năm tỷ một trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng*)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi liên quan – bà Trần Thị L xin chia thừa kế là di sản của ông Võ Thắng C chết đi để lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà số 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, TP. CT. Theo đó, bà Trần Thị L được hưởng $\frac{1}{4}$ di sản của ông C quy ra giá trị tiền là 5.115.943.687đồng (*năm tỷ một trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng*).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Tuyết N. Tiếp tục Công nhận hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Võ Thị Tuyết N với bà Trần Thị K và ông Võ Thắng L đã được công chứng tại Văn phòng công chứng TĐ. Công nhận phần đất có diện tích 479m², thuộc thửa 121 + 122, tờ bản đồ số 3 và căn nhà có diện tích 97,54m². Nhà và đất tọa lạc tại số 51/1 đường 3/2, phường XK, quận NK, thành phố CT là thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà Võ Thị Tuyết N chiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 595299, số vào sổ CS02762 do Sở Tài nguyên và Môi trường TPCT đã cấp ngày 4/10/2016.

4. Bà Võ Thị Tuyết N phải có trách nhiệm phối tiền 5.115.943.687đồng cho ông Võ Thành D và phối 5.115.943.687đồng cho bà Trần Thị L từ việc hưởng $\frac{1}{4}$ di sản thừa kế là nhà số 51/1 đường 3/2 phường XK, quận NK, thành phố CT của ông Võ Thắng C chết đi để lại không có di chúc.

5. Về án phí sơ thẩm và các chi phí khác:

Ông Võ Thành D và bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Thành D được nhận lại 1.000.000đồng tiền tạm ứng án phí vụ kiện theo biên lai thu số: 002513 ngày 30/6/2009.

Bà Trần Thị L được nhận lại 1.000.000đồng tiền tạm ứng án phí vụ kiện theo biên lai thu số: 005379 ngày 17/3/2010.

Ông Nguyễn Thanh V được nhận lại tiền tạm ứng án phí vụ kiện theo biên lai thu số: 0000320 ngày 15/11/2022.

Bà Võ Thị Tuyết N được nhận lại 300.000 tiền tạm ứng án phí vụ kiện theo biên lai thu số: 0000387 ngày 02/12/2022.

Ông Võ Thành D và bà Trần Thị L phải chịu phân nửa số tiền chi phí trưng cầu thẩm định giá trị nhà số 51/1 do Công ty ĐA thực hiện là 18.000.000đồng (mỗi người 9.000.000đồng). Số tiền 18.000.000đồng này ông D và bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Thắng L.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 06, điều 07, 07a, 07b và điều 09 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

TRẦN NGỌC BÍCH ĐỖ THỊ LỆ HẰNG

VÕ HỒNG THÚY